Ký bởi: Ủy ban nhân dân huyện Sơn Hà
Cơ quan: Tỉnh Quảng Ngãi
Thời gian ký: 26/04/2024 10:14:21

ỦY BAN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN HÀ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 168 /BC-UBND	*Sơn Hà, ngày 25 tháng 4 năm 2024*

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và Tiêu chí thủy lợi xây dựng nông thôn mới năm 2024

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Ngãi tại Công văn số 1336/SNNPTNT-TL ngày 04/4/2024 về việc báo cáo Kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và Tiêu chí thủy lợi xây dựng nông thôn mới năm 2023; UBND huyện báo cáo như sau:

1. Kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng

1.1. Kết quả hoàn thiện cơ sở hạ tầng thủy lợi nội đồng

- Toàn huyện có 73 công trình thủy lợi, trong đó: 02 hồ chứa nước loại nhỏ, 65 đập dâng, 02 trạm bơm và 06 tuyến kênh *(tổng chiều dài kênh mương thủy lợi trên địa bàn huyện 226,52 km, trong đó: đã kiên cố hóa 195,03 km, chưa kiên cố hóa 31,49 km).*

(Chi tiết theo biểu số 01 kèm theo)

- Trên địa bàn huyện chưa áp dụng tưới tiên tiến, tiết kiệm nước và chưa có diện tích nuôi trồng thủy sản tập trung đảm bảo cấp, thoát nước chủ động.

1.2. Củng cố, phát triển tổ chức thủy lợi cơ sở

Trên địa bàn huyện có 14 Hợp tác xã nông nghiệp thực hiện quản lý, vận hành các công trình thủy lợi.

(Chi tiết theo biểu số 03 kèm theo)

2. Tình hình thực hiện tiêu chí thủy lợi năm 2023

2.1. Đánh giá tình hình thực hiện tiêu chí thủy lợi

- Tiêu chí Thủy lợi đối với xã đạt chuẩn nông thôn mới: Xác định tiêu chí Thủy lợi là một trong những tiêu chí quan trọng về hạ tầng kỹ thuật trong xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới. Do vậy, để thực hiện tốt tiêu chí Thủy lợi, ngoài việc huy động tốt nguồn lực đầu tư thì rất cần sự tham gia của các đoàn thể và người dân vào các khâu quản lý, khai thác, bảo vệ để công trình phát huy hiệu quả đầu tư.

- Trên thực tế, những kết quả đạt được trong xây dựng NTM ở các xã đã đạt chuẩn phải cần duy trì, giữ vững và không ngừng nâng cao chất lượng các tiêu chí xây dựng nông thôn mới lên tầm cao hơn là yếu tố quan trọng để trở thành quá trình liên tục, thường xuyên, hướng đến mục tiêu là xây dựng nông thôn mới bền vững, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân nông thôn.

2.2. Kế hoạch thực hiện tiêu chí Thủy lợi năm 2024

- Thường xuyên duy tu bảo dưỡng các công trình thủy lợi đáp ứng yêu cầu tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp. Phấn đấu đến năm 2025 duy trì 100% các xã đạt tiêu chí thủy lợi.

- Số xã đã đạt tiêu chí thủy lợi là 13/13 xã.

- Kế hoạch 2024: Duy trì xã đã đạt tiêu chí thủy lợi.

(Chi tiết theo biểu số 06 kèm theo).

2.3. Kết quả huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực đối với tiêu chí thủy lợi năm 2023, dự kiến phân bổ kinh phí thực hiện trong năm 2024

a) Tổng kinh phí huy động để thực hiện duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp hệ thống thủy lợi trên địa bàn huyện năm 2023 là 13.475 triệu đồng, trong đó:

- Từ nguồn kinh phí hỗ trợ bảo vệ và phát triển đất trồng lúa 1.523 triệu đồng, kinh phí thủy lợi phí 2.024 triệu đồng các địa phương đã huy động khắc phục sửa chữa, nạo vét thường xuyên để đảm bảo nước tưới.

- Từ ngân sách huyện để sửa chữa, nâng cấp kênh mương là 3.259 triệu đồng.

- Từ ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM là 800 triệu đồng.

- Từ ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là 5.520 triệu đồng.

- Từ kinh phí khắc phục lũ lụt năm 2022 là 350 triệu đồng.

(Chi tiết theo biểu số 07 kèm theo)

b) Kế hoạch, kinh phí, nguồn vốn dự kiến đầu tư xây dựng công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng năm 2024 dự kiến khoảng 6.713 triệu đồng, trong đó:

- Từ ngân sách huyện để sửa chữa, nâng cấp kênh mương là 3.091 triệu đồng.

- Từ nguồn kinh phí hỗ trợ bảo vệ và phát triển đất trồng lúa 1.545 triệu đồng, kinh phí thủy lợi phí 2.077 triệu đồng, các địa phương đã huy động khắc phục sửa chữa, nạo vét thường xuyên để đảm bảo tưới nước cho cây lúa.

3. Đánh giá thuận lợi, khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện của từng nội dung trên

3.1. Thuận lợi

- Việc phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng, kiên cố hóa, hệ thống mương thay hệ thống mương đất nhằm hỗ trợ người dân trong việc đảm bảo nguồn nước tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp của địa phương.

- Hệ thống kênh mương nội đồng đã giúp nhân dân tiết kiệm nước tưới, nâng cao năng suất của cây trồng và tăng hiệu quả kinh tế cho gia đình, góp phần cùng địa phương hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới.

3.2. Khó khăn, vướng mắc

a) Về hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước

Hiện nay còn một số quy định về định mức, suất hỗ trợ đầu tư còn chưa phù hợp với tình hình thực tế như các quy định về tài chính trong thủy lợi, định mức thủy lợi phí còn quá ít so với nhu cầu thực tế tại địa phương; chưa chủ động về khâu cấp nước nên chưa đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong tình hình mới hiện nay.

b) Về củng cố, phát triển tổ chức thủy lợi cơ sở

- Hiện nay, các hợp tác xã thực hiện nhiệm vụ vận hành, khai thác các công trình thủy lợi còn hạn chế về năng lực quản lý cũng như năng lực chuyên môn nên chưa chủ động trong việc thực hiện các nhiệm vụ được nhà nước giao, đồng thời việc triển khai thực hiện ở một số địa phương còn chưa hiệu quả.

c) Về áp dụng khoa học công nghệ, đào tạo, truyền thông

Đầu ra cho sản phẩm nông nghiệp, các loại cây có giá trị kinh tế cao chưa ổn định dẫn đến tâm lý người dân chưa mạnh dạn đầu tư thiết bị để triển khai tưới tiết kiệm. Quy mô đất đai còn nhỏ lẻ, manh mún, thiếu tập trung, cây trồng thiếu đồng bộ nên gặp khó khăn khi triển khai áp dụng tưới tiên tiến, tưới tiết kiệm.

d) Về thực hiện tiêu chí thủy lợi

Theo quy định, tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt 80% trở lên, đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh. Tuy nhiên, trong thực tế, nguồn lực đầu tư còn hạn chế, phụ thuộc vào kinh phí cấp trên hỗ trợ, việc huy động nguồn lực để thực hiện đầu tư kênh mương thủy lợi còn nhiều khó khăn.

4. Đề xuất, kiến nghị

4.1. Kiến nghị đối với UBND tỉnh

- Kính đề nghị UBND tỉnh có chính sách nâng giá hỗ trợ sản phẩm, dịch vụ công ích thuỷ lợi trên địa bàn tỉnh để các Hợp tác xã tăng nguồn thu từ dịch vụ cấp nước từ đó tổ chức quản lý, khắc phục hư hỏng nhỏ, khai thác hệ thống thủy lợi tốt hơn, đáp ứng tốt hơn nhu cầu tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; sớm có chính sách hỗ trợ hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn các huyện miền núi để phù hợp với tình hình biến đổi khí hậu như hiện nay.

- Hiện nay, trên địa bàn huyện Sơn Hà hệ thống kênh mương thủy lợi đa phần đã được kiên cố hóa tuy nhiên thời gian khai thác đã lâu nhưng do ngân sách hạn hẹp nên nguồn kinh phí bố trí cho duy tu, bảo dưỡng định kỳ rất hạn hẹp, chủ yếu tranh thủ thực hiện từ nguồn thủy lợi phí và kinh phí hỗ trợ đất trồng lúa nhưng còn nhiều hạn chế. Do đó, kính đề nghị UBND tỉnh có chính sách hỗ trợ kinh phí duy tu, bảo dưỡng hằng năm để huyện tổ chức duy tu, bảo dưỡng định kỳ hệ thống thủy lợi trên địa bàn.

4.2. Kiến nghị đối với Sở Nông nghiệp và PTNT

Tổ chức đào tạo, nâng cao năng lực năng lực quản lý cũng như năng lực chuyên môn cho cán bộ làm công tác quản lý nhà nước và các tổ chức thủy lợi cơ sở để thực hiện tốt việc quản lý hệ thống thủy lợi trên địa bàn.

UBND huyện Sơn Hà kính báo cáo./.

Nơi nhận:
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Phòng NN&PTNT;
- Cổng TTĐT huyện;
- Lưu: VT, TH.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Anh Quang

Biểu số 1. Tổng chiều dài kênh mương thủy lợi do địa phương quản lý

(Kèm theo Báo cáo số 168 /BC-UBND ngày 25/4/2024 của UBND huyện Sơn Hà)

STT	Tên xã, thị trấn	Tổng chiều dài kênh mương thủy lợi do xã quản lý (km)	Tổng chiều dài kênh mương thủy lợi đã kiên cố (km)	Ghi chú
TỔNG CỘNG		**226,52**	**195,03**	
1	Xã Sơn Trung	19,14	17,45	
2	Xã Sơn Thủy	10,98	8,20	
3	Xã Sơn Thượng	19,20	14,00	
4	Xã Sơn Thành	28,30	26,27	
5	Xã Sơn Nham	9,80	8,44	
6	Xã Sơn Linh	28,00	22,00	
7	Xã Sơn Kỳ	10,40	10,40	
8	Xã Sơn Hải	11,92	11,21	
9	Xã Sơn Hạ	28,23	18,35	
10	Xã Sơn Giang	15,00	12,20	
11	Xã Sơn Cao	26,50	22,10	
12	Xã Sơn Bao	12,72	8,55	
13	Xã Sơn Ba	8,30	7,80	
14	TT Di Lăng	9,95	8,07	

Biểu số 2: Kết quả áp dụng tưới tiên tiến, tiến kiệm nước và cấp, thoát nước phục vụ nuôi trồng thủy sản

(Kèm theo Báo cáo số 168 /BC-UBND ngày 25/4/2024 của UBND huyện Sơn Hà)

TT	Tên xã, thị trấn	Tưới tiên tiến, tiết kiệm nước						Nuôi trồng thủy sản	
		Cây Lúa			Cây trồng cạn				
		Diện tích gieo trồng cần tưới theo quy hoạch (ha)	Diện tích gieo trồng được tưới tiên tiến, TKN (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích đất trồng cây trồng cạn chủ lực cần tưới theo kế hoạch (ha)	Diện tích đất trồng cây trồng cạn thực tế được tưới tiên tiến, TKN (ha)	Tỷ lệ (%)	Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản (ha)	Diện tích nuôi trồng thủy sản tập trung được cấp, thoát nước chủ động (ha)
TỔNG CỘNG		**5.620**			**7.133**			**17**	
1	Xã Sơn Trung	339,4			442,09			0,8	
2	Xã Sơn Thủy	428,7			555,04			0,5	
3	Xã Sơn Thượng	312,8			479,54			2,5	
4	Xã Sơn Thành	760			517,54			2,1	
5	Xã Sơn Nham	239,5			452,04			0,2	
6	Xã Sơn Linh	401			497,23			2,2	
7	Xã Sơn Kỳ	497			753,04			0,6	
8	Xã Sơn Hải	268,7			427,94			1	
9	Xã Sơn Hạ	735			647,24			2,7	
10	Xã Sơn Giang	332			452,99			1	
11	Xã Sơn Cao	403			538,65			1	
12	Xã Sơn Bao	267,5			524,36			0,4	
13	Xã Sơn Ba	391			463,61			1,4	
14	TT Di Lăng	244			381,75			0,6	

Ghi chú:

- Diện tích gieo trồng lúa áp dụng một trong các phương thức canh tác tiên tiến, tiết kiệm nước: Là diện tích gieo trồng lúa (cộng các vụ trong năm) áp dụng các biện pháp canh tác tiên tiến như: SRI, 3 giảm 3 tăng, 1 phải 5 giảm, Nông - Lộ - Phơi/ướt khô xen kẽ…

- Diện tích cây trồng cạn áp dụng biện pháp tưới tiên tiến, tiết kiệm nước: Là diện tích trồng cây trồng cạn (diện tích canh tác) áp dụng các kỹ thuật tưới tiết kiệm nước như: tưới phun mưa, tưới nhỏ giọt, tưới ngầm,….;

Biểu số 3. Kết quả thực hiện Thành lập/củng cố tổ chức thủy lợi cơ sở trên địa bàn huyện

(Kèm theo Báo cáo số 168 /BC-UBND ngày 25/4/2024 của UBND huyện Sơn Hà)

TT	Loại hình	Số lượng	Ghi chú
I	**Hợp tác xã**		
1	HTX NN có dịch vụ thủy lợi	14	
2	HTX chỉ làm dịch vụ thủy lợi		
II	**Tổ hợp tác**		*Thành lập theo Nghị định 151/2007/NĐ-CP hoặc Nghị định 77/2019/NĐ-CP về Tổ hợp tác*
III	**Loại hình khác**		
1	UBND xã trực tiếp quản lý:		*Ghi số lượng các xã không thành lập tổ chức TLCS, trực tiếp quản lý CTTL nhỏ, TLNĐ dưới hình thức thành lập các tổ/đội/Ban thủy nông vận hành công trình . Thống kê số lượng các tổ/đội/Ban bên dưới.*
	Trong đó:		
	- Tổ Thủy nông:		
	- Ban quản lý thủy nông:		
	- Ban Thủy lợi xã, …		
2	Khác		Ghi rõ tên loại hình
	Tổng cộng	14	

Biểu số 6. Kết quả thực hiện tiêu chí Thủy lợi năm 2023 và kế hoạch thực hiện năm 2024

(Kèm theo Báo cáo số 168 /BC-UBND ngày 25/4/2024 của UBND huyện Sơn Hà)

TT	Nội dung	Kết quả thực hiện đến hết năm 2023	Kế hoạch thực hiện năm 2024	Ghi chú
1	2	3	4	5
I	**Xã nông thôn mới đạt chuẩn**			
1	Tổng số xã xây dựng nông thôn mới	*2*	*5*	
2	Số xã đạt chuẩn NTM	*2*	*3*	
3	Số xã đạt chuẩn tiêu chí số 3 về Thủy lợi và Phòng chống thiên tai thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM	*13*	*13*	
4	Số xã đạt chuẩn chỉ tiêu 3.1 về thủy lợi thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM	*13*	*13*	
II	**Xã nông thôn mới nâng cao**			
1	Số xã đạt chuẩn NTM nâng cao			
2	Số xã đạt chuẩn tiêu chí số 3 về thủy lợi và phòng chống thiên tai thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao			
3	Số xã đạt các chỉ tiêu về Thủy lợi (3.1-3.5) thuộc Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao			

Biểu số 7. Kết quả huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực đối với tiêu chí thủy lợi năm 2023

(Kèm theo Báo cáo số 168 /BC-UBND ngày 25/4/2024 của UBND huyện Sơn Hà)

Đvt: Triệu đồng

TT	Nội dung thực hiện	Tổng số	Vốn đầu tư trực tiếp từ Chương trình NTM				Vốn lồng ghép	Vốn Tín dụng	Doanh nghiệp	Dân góp	Ghi chú
			Tổng số	NSTW		NSĐP					
				Đầu tư phát triển	Sự nghiệp						
1	Thủy lợi	13.475	6.320	6.320							

Trong đó:

Ngân sách huyện để sửa chữa, nâng cấp kênh mương	3.259 Triệu đồng
Kinh phí khắc phục lũ lụt	350 Triệu đồng
Chương trình MTQG xây dựng NTM	800 Triệu đồng
Kinh phí đất trồng lúa	1.523 Triệu đồng
Kinh phí thủy lợi phí	2.024 Triệu đồng
NQ 88	5.520 Triệu đồng